

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất giữa Cơ quan Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Thuế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 30/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quy chế phối hợp mẫu số 1955/QCPH-TCT-TCQLĐĐ ngày 14/10/2015 của liên ngành Tổng cục Thuế và Tổng cục Quản lý đất đai quy định phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa Cơ quan Thuế và Cơ quan Đăng ký đất đai; Công văn số 2248/TCT-CNTT ngày 06/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc triển khai kết nối trao đổi thông tin giữa Cơ quan Thuế và Cơ quan Đăng ký đất đai; Công văn số 1904/TCQLĐĐ-TTDLTTĐĐ ngày 30/9/2019 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc triển khai kết nối trao đổi thông tin giữa Cơ quan Thuế và Cơ quan Đăng ký đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3334/STNMT-VPĐK ngày 14/8/2023 (sau khi có ý kiến thống nhất của Cục Thuế tỉnh tại Văn bản số 1465/CTHTI-HKDCN ngày 02/6/2023 và Văn bản số 1734/CTHTI-HKDCN ngày 28/6/2023); ý kiến đồng ý (bằng Phiếu biểu quyết) của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm Điện tử TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất giữa Cơ quan Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Thuế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai và Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thành phố, thị xã; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực, Chi cục Thuế huyện Nghi Xuân, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Bộ: TN&MT, Tài chính (để b/c);
- Tổng cục Thuế;
- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY CHẾ

Phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất giữa Cơ quan Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Thuế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định hồ sơ, trình tự, phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử giữa Cơ quan Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Thuế trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã; Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện, thành phố, thị xã.
- Cơ quan Thuế: Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực, Chi cục Thuế huyện Nghi Xuân.
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện (sau đây viết tắt là Trung tâm hành chính công).
- Người sử dụng đất có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và tài sản gắn liền với đất.

Điều 3. Nguyên tắc, cách thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

- Được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham gia phối hợp và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Dựa trên nguyên tắc sử dụng chữ ký số trong quá trình trao đổi thông tin giữa các bên. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu, chữ ký và thẩm quyền của các bên trong quá trình thực hiện. Khi có sự thay đổi chữ ký số, hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản.

2. Cách thức phối hợp

Thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện thông qua hình thức luân chuyển thông tin bằng dữ liệu điện tử, tệp tin điện tử có gắn chữ ký số

của người có thẩm quyền như sau:

a) Dữ liệu hồ sơ phải được số hóa và ký số bảo đảm tính pháp lý theo quy định về giao dịch điện tử, hồ sơ luân chuyển được thực hiện thông qua Phiếu chuyển thông tin điện tử (Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này). Sử dụng phần mềm Vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai và Quản lý trước bạ, nhà đất.

b) Trường hợp do yếu tố kỹ thuật hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng mà không thể trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai thì hai Cơ quan thực hiện trao đổi thông tin với nhau bằng hồ sơ giấy theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của Người sử dụng đất theo hình thức điện tử đối với các trường hợp sau:

1. Nhà nước giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

2. Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, quyền thuê đất, thuê mặt nước;

3. Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất hoặc Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất);

4. Nhà nước cho thuê mặt nước;

5. Bổ sung tài sản gắn liền với đất; chuyển hình thức sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn thời gian sử dụng đất; chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

6. Đối với những thửa đất có chiều dài cạnh trên 25m (đối với đất ở nông thôn), trên 20m (đối với đất ở đô thị) và trên 50m (đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại nông thôn), 40m (đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại đô thị) thì Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện phân lớp thửa đất đó và tính diện tích theo lớp gửi kèm hồ sơ đến Cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

7. Các trường hợp phát sinh nghĩa vụ tài chính khác nếu có.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Các hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai

Cơ quan Thuế và cơ quan Tài nguyên và Môi trường bảo đảm thông tin trao đổi đầy đủ đối với từng trường hợp hồ sơ cụ thể theo quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Trình tự trao đổi thông tin

1. Tiếp nhận hồ sơ, luân chuyển thông tin địa chính điện tử

1.1. Trung tâm Hành chính công thực hiện:

- Cán bộ phụ trách lĩnh vực đất đai hướng dẫn người sử dụng đất kê khai, hoàn thiện hồ sơ liên quan đến đất đai.

- Cán bộ phụ trách lĩnh vực Thuế hướng dẫn người sử dụng đất kê khai lệ phí trước bạ; kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (nếu có); kê khai thuế thu nhập từ chuyển quyền bất động sản (nếu có); hồ sơ miễn, giảm các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có).

1.2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

- Kiểm tra hồ sơ của người sử dụng đất do Trung tâm Hành chính công chuyển đến. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp pháp tiến hành nhập đầy đủ các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính (Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này) vào ứng dụng quản lý tại đơn vị. Đồng thời thực hiện quét (chụp) hồ sơ.

- Ký số và truyền dữ liệu Phiếu chuyển thông tin điện tử, hồ sơ kèm theo sang Cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

1.3. Cơ quan Thuế thực hiện:

a) Nhận, kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin điện tử và hồ sơ đính kèm có chữ ký số từ Cơ quan Tài nguyên và Môi trường:

- Trường hợp Phiếu chuyển thông tin điện tử và hồ sơ đính kèm có đầy đủ thông tin, đủ cơ sở để xác định các nghĩa vụ tài chính thì thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Trường hợp Phiếu chuyển thông tin điện tử và hồ sơ đính kèm thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì kịp thời chuyển trả lại Cơ quan Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cung cấp, bổ sung thông tin. Các yêu cầu bổ sung, phản hồi đều thông qua văn bản điện tử, chữ ký số.

b) Thời hạn xác định và ban hành thông báo như sau:

- Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Phiếu chuyển thông tin điện tử và hồ sơ đính kèm có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định các nghĩa vụ tài chính từ Cơ quan Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp không có các khoản mà người sử dụng đất được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

- Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác định các khoản mà người sử dụng đất được khấu trừ theo quy định của pháp luật do cơ quan tài chính chuyển đến đối với trường hợp có khoản mà người sử dụng đất được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

c) Gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (có chữ ký số của đại diện Lãnh đạo cơ quan Thuế) cho: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường qua phần mềm Vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai, Trung tâm Hành chính công để chuyển cho người sử dụng đất bằng hình thức điện tử (qua cổng

Dịch vụ công quốc gia, qua thư điện tử, tin nhắn SMS, ...), hoặc in thông báo gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện gửi cho người sử dụng đất.

2. Xác nhận người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai

2.1. Cơ quan Thuế thực hiện:

- Tiếp nhận dữ liệu chứng từ nộp tiền của người sử dụng đất từ Kho bạc Nhà nước bằng hình thức điện tử.

- Rà soát, đối chiếu hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thực hiện ký duyệt, xác nhận, truyền trạng thái hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất sang Cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

- Tiếp nhận thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất từ Cơ quan Thuế, kiểm tra chứng từ nộp thuế để trình Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định.

- Trường hợp người sử dụng đất nộp chứng từ nộp thuế tại Trung tâm Hành chính công, tiếp nhận, kiểm tra chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính để làm cơ sở trình Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định

- Lưu thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và chứng từ nộp thuế vào hồ sơ của người sử dụng đất.

- Cập nhật thông tin của người sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 7. Xử lý các sai sót dữ liệu

1. Trường hợp dữ liệu truyền, nhận giữa Cơ quan Thuế và Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có sai sót hoặc bị lỗi, Cơ quan bên nhận phản hồi bằng điện tử hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan truyền dữ liệu để thực hiện kiểm tra và truyền lại thông tin.

2. Trường hợp nội dung thông tin trên Phiếu chuyển thông tin địa chính điện tử do cơ quan Tài nguyên và Môi trường gửi sang bị sai dẫn đến việc xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính bị sai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo điện tử hoặc thông báo bằng Văn bản cho cơ quan Thuế về việc có sai sót trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính, thực hiện điều chỉnh thông tin trên Phiếu chuyển thông tin địa chính điện tử, truyền lại thông tin sang cơ quan Thuế theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này (các thông tin về Phiếu chuyển thông tin địa chính điện tử trước đây phải được lưu lại để phục vụ công tác quản lý).

3. Trường hợp sai sót thuộc về cơ quan Thuế dẫn tới việc xác định nghĩa vụ tài chính và phát hành Thông báo nghĩa vụ thuế sai, cơ quan Thuế gửi thông báo bằng hình thức điện tử hoặc thông báo bằng Văn bản cho cơ quan Tài

nguyên và Môi trường về việc có sai sót trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, xác định lại nghĩa vụ tài chính, gửi lại thông báo nghĩa vụ thuế cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này (các thông tin về thông báo nghĩa vụ thuế trước đây phải lưu trữ để phục vụ công tác quản lý).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Cơ quan Tài nguyên và Môi trường

- Tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất từ Trung tâm Hành chính công theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trên phiếu chuyển thông tin điện tử. Lưu thông báo thuế dưới hình thức điện tử để phục vụ cho công tác quản lý.

- Đối chiếu dữ liệu với cơ quan Thuế nhằm bảo đảm thông tin truyền đầy đủ, chính xác; phối hợp với Cơ quan Thuế điều chỉnh thông tin khi có sai lệch.

- Tiếp nhận chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất từ Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển đến làm cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận đã cấp theo quy định.

2. Trách nhiệm của Cơ quan Thuế

- Tiếp nhận dữ liệu điện tử có chữ ký số được gửi từ Cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện xử lý dữ liệu, xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai bảo đảm thời gian theo quy định.

- Gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (có chữ ký số của đại diện Lãnh đạo cơ quan Thuế) cho: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường qua phần mềm Vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai, Trung tâm Hành chính công để giao cho người sử dụng đất bằng hình thức điện tử (qua cổng Dịch vụ công quốc gia, qua thư điện tử, tin nhắn SMS, ...), hoặc in thông báo gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện gửi cho người sử dụng đất.

- Xác nhận trạng thái hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trên hệ thống điện tử.

- Đối chiếu dữ liệu với cơ quan Tài nguyên và Môi trường; phối hợp với Cơ quan Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh thông tin khi có sai lệch.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Hành chính công

- Hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đủ thì trả lại ngay trong ngày làm việc và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ theo quy

định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và luân chuyển theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

- Tiếp nhận các chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất chuyển cho Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (khi người sử dụng đất nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công).

- Phối hợp với cơ quan Thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường thông báo, hướng dẫn người sử dụng đất bổ sung hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Điều 9. Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện Quy chế cùng trao đổi khắc phục. Trường hợp không giải quyết được, kịp thời phản ánh về Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh./.

PHỤ LỤC 01**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HÀ TĨNH
CHI NHÁNH.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/PCTTĐC

..., ngày tháng ... năm ...

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI****Kính gửi:****I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, MẶT NƯỚC, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

- 1.1. Tên ⁽¹⁾:
- 1.2. Địa chỉ ⁽²⁾
- 1.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):
- 1.4. Mã số thuế (nếu có):
- 1.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽³⁾:
Số; ngày cấp: nơi cấp
- 1.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính ⁽⁴⁾:

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**2.1. Thông tin về đất**

- 2.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số:
- 2.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁵⁾:
- 2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:
- Đường/đoạn đường/khu vực:
- Vị trí thửa đất ⁽⁶⁾:
- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):m.
- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):m.
- 2.1.4. Diện tích thửa đất:m²
- Diện tích sử dụng chung:m²
- Diện tích sử dụng riêng:m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:m²
- Diện tích đất trong hạn mức:m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức:m²
- Diện tích chuyển Mục đích sử dụng đất:m²
- 2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

<p>2.1.6. Mục đích sử dụng đất ⁽⁷⁾:</p> <p>Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển Mục đích:</p> <p>2.1.7. Thời hạn sử dụng đất:</p> <p>- Ôn định lâu dài <input type="checkbox"/></p> <p>- Có thời hạn:năm. Từ ngày .../.../... đến ngày: .../.../...</p> <p>- Gia hạnnăm. Từ ngày .../.../... đến ngày: .../.../...</p> <p>2.1.8. Thời Điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....;</p> <p>2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất⁽⁸⁾:</p> <p>- Hình thức đang sử dụng:</p> <p>- Hình thức sau khi chuyển:</p> <p>2.1.10. Giá đất:</p> <p>- Giá đất cụ thể⁽⁹⁾:</p> <p>- Giá trúng đấu giá:</p> <p>- Giá đất trước khi chuyển Mục đích sử dụng đất⁽¹⁰⁾:</p> <p>2.1.11. Giấy tờ về quyền sử dụng đất⁽¹¹⁾:</p>
<p>2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác</p> <p>2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:</p> <p>2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;</p> <p>2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;</p> <p>2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;</p> <p>2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:</p> <p>2.2.5. Nguồn gốc:</p> <p>2.2.6. Năm hoàn công:năm.</p> <p>2.2.7. Thời hạn sở hữu đến:năm.</p>
<p>III. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC, THUÊ MẶT NƯỚC</p>
<p>3.1. Đối với thuê đất xây dựng công trình ngầm</p> <p>- Diện tích thuê đất xây dựng công trình ngầm: m²;</p> <p>- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất xây dựng công trình ngầm ⁽¹²⁾:</p> <p>.....</p> <p>2.2. Đối với thuê đất có mặt nước</p> <p>- Diện tích đất: m²;</p> <p>- Diện tích mặt nước:m²;</p> <p>- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất⁽¹³⁾:</p> <p>3.3. Đối với thuê mặt nước</p> <p>a) Vị trí mặt nước:</p> <p>b) Diện tích mặt nước thuê:m²;</p>

- c) Mục đích sử dụng mặt nước:m²;
- d) Thời hạn thuê mặt nước:năm. Từ ngày đến ngày:
- đ) Hình thức thuê mặt nước: Trả tiền thuê hàng năm Trả tiền thuê một lần

IV. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT (nếu có)

4.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động)

4.1.1. Loại biến động:

4.1.2. Loại tài sản biến động:

4.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- Đối tượng ghi nợ:

- Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

4.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- Đối tượng miễn, giảm:

- Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

4.4. Các Khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp

Tên của Khoản được trừ:

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO⁽¹⁴⁾

.....

.....

.....

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT.

MSHS:

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG KÊ CHI TIẾT**Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu**

STT	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ	Mã số thuế (Nếu có)	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ sở hữu	Đối tượng miễn giảm

Bảng 2: Danh sách thông tin người chuyển quyền

STT	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ	Mã số thuế (Nếu có)	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ sở hữu	Đối tượng miễn giảm
1								

Bảng 3: Bảng kê ghi nợ nghĩa vụ tài chính

STT	Ghi nợ Tiền sử dụng đất			Ghi nợ Lệ phí trước bạ		
	Thời điểm ghi nợ	Diện tích ghi nợ	Nội dung ghi nợ	Thời điểm ghi nợ	Diện tích ghi nợ	Nội dung ghi nợ

Bảng 4.1: Bảng kê thông tin về đất

ST T	Số thửa	Số tờ	Diện tích	Căn cứ pháp lý	Mục đích sử dụng	Đường/ Đoạn đường/Khu vực	Vị trí	Độ sâu thửa đất	Chiều rộng hẻm

Bảng 4.2: Bảng kê thông tin về chuyển mục đích sử dụng đất

ST T	Số thửa	Số tờ	Mục đích sử dụng	Vị trí	Diện tích	Mục đích sử dụng trước CMD	Vị trí trước CMD

Bảng 5: Bảng kê thông tin tài sản gắn liền với đất

STT	Loại nhà, công trình	Cấp nhà, công trình	Kết cấu	Số tầng		Diện tích			Năm hoàn công
				Tầng nổi	Tầng hầm	Sử dụng	Xây dựng	Sàn xây dựng	

Bảng 6: Bảng kê thông tin miễn giảm

STT	Loại đối tượng miễn giảm	Số quyết định	Ngày quyết định	Nơi ra quyết định	Tỷ lệ miễn giảm	Thời gian được miễn giảm